

Số: 3267/TTTr-UBND

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết Quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Thông báo số 102/TB-UBND ngày 24/3/2025 của UBND tỉnh về kết luận của UBND tỉnh tại cuộc họp thông qua một số nội dung trình HĐND tỉnh;

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết Quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, nội dung như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

- Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;



- Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

- Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

- Căn cứ Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;

- Căn cứ Văn bản số 448/HĐND-VP ngày 05/9/2024 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cho ý kiến về Tờ trình số 9365/TTr-UBND ngày 21/8/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

2. Cơ sở thực tiễn

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đang thực hiện các mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng theo các văn bản quy định của Trung ương có mức hỗ trợ thấp hơn so với quy định tại Nghị định Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024; cụ thể như sau:

- Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng cho các hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người kinh nghèo đang sinh sống ổn định tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (khu vực II và III) thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ với diện tích giao khoán hằng năm (tính đến năm 2024) là 9.587,46 ha trên 347 hộ gia đình tham gia nhận khoán theo hạn mức tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước; kinh phí hỗ trợ là 400.000 đồng/ha/năm theo mức hỗ trợ tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020, cụ thể:

+ UBND huyện Khánh Sơn: Số hộ gia đình nhận khoán bảo vệ rừng là 18 hộ với diện tích 230,55 ha rừng tự nhiên thuộc địa bàn 03 xã, thị trấn: Thành Sơn, Tô Hạp và Ba Cạm Nam.

+ UBND huyện Khánh Vĩnh: Số hộ gia đình nhận khoán bảo vệ rừng là 47 hộ với diện tích 1061,12 ha rừng tự nhiên trên địa bàn 05 xã: Khánh Nam, Khánh Phú, Khánh Thượng, Liên Sang, Sơn Thái.

+ Ban Quản lý rừng phòng hộ Bắc Khánh Hòa: Số hộ gia đình nhận khoán bảo vệ rừng là 20 hộ với diện tích 525,79 ha trên địa bàn xã Ninh Tây.

+ Ban Quản lý rừng phòng Nam Khánh Hòa: Số hộ gia đình nhận khoán bảo vệ rừng là 219 hộ với diện tích 6.480 ha trên địa bàn 07 xã, thị trấn thuộc huyện Khánh Sơn (bao gồm: Thành Sơn, Sơn Lâm, Sơn Bình, Sơn Hiệp, Ba Cùm Bắc, Ba Cùm Nam, Tô Hạp) và xã Sơn Tân thuộc huyện Cam Lâm.

+ Công ty TNHH MTV Lâm sản Khánh Hòa: Số hộ gia đình nhận khoán bảo vệ rừng là 18 hộ với diện tích 540 ha trên địa bàn 02 xã: Giang Ly, Liên Sang thuộc huyện Khánh Vĩnh.

+ Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương: Số hộ gia đình nhận khoán bảo vệ rừng là 25 hộ với diện tích 750 ha trên địa bàn 03 xã: Khánh Đông, Khánh Hiệp, Khánh Trung thuộc huyện Khánh Vĩnh

- Hỗ trợ vốn trồng rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng trồng rừng loài cây sản xuất gỗ nhỏ và trồng cây phân tán trên đất trống, đồi núi trọc được quy hoạch là rừng sản xuất theo Điều 5 Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số Chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp với số tiền hỗ trợ là 5.000.000 đồng/ha.

- Hỗ trợ bảo vệ rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên cho các Công ty Lâm nghiệp nhà nước (các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp: Trầm Hương, Lâm sản Khánh Hòa) bằng hình thức đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo Nghị định 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ về quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên với đơn giá đặt hàng bảo vệ rừng là 300.000 đồng ha theo khoản 3 Điều 6 Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ với diện tích đặt hàng bình quân hằng năm là 63.400 ha.

Theo báo cáo kết quả triển khai của các địa phương, đơn vị có liên quan (*Văn bản số 266/UBND ngày 26/4/2022 của UBND xã Ninh Tây; Văn bản số 4081/UBND ngày 12/10/2023 của UBND thị xã Ninh Hòa; Văn bản số 3917/UBND ngày 11/8/2023 của UBND thị xã Ninh Hòa; Văn bản số 2797/UBND ngày 29/5/2024 của UBND huyện Diên Khánh; Báo cáo số 2345/BC-UBND ngày 05/6/2024 của UBND huyện Khánh Sơn; Văn bản số 505/BQL-KT ngày 26/6/2024 của Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa; Báo cáo số 415/BC-BQL ngày 28/6/2024 của Ban quản lý rừng phòng hộ Bắc Khánh Hòa; Văn bản số 407/BQL-HTQT ngày 26/6/2024 của Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà; Báo cáo số 332/BC-LNTH-KTh ngày 31/5/2024 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương; Tờ trình số 357/TTr-LNTH ngày 17/6/2024 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương; Báo cáo số*

161/LSKH-KTBTVR ngày 30/5/2024 của Công ty TNHH MTV Lâm sản Khánh Hòa); theo đó các đơn vị có nêu các khó khăn vướng mắc liên quan đến việc cấp kinh phí đầu tư, hỗ trợ đầu tư bảo vệ rừng của các Chính sách theo các văn bản quy phạm pháp luật quy định nêu trên hiện nay còn khá thấp nên gây khó khăn cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cho lực lượng bảo vệ rừng và người dân, không thu hút được đông đảo người dân tham gia vào công tác phát triển bền vững của rừng tại địa phương. Điển hình, trong năm 2023 theo báo cáo của UBND xã Ninh Tây, thị xã Ninh Hòa tại Văn bản số 236/UBND ngày 19/4/2023 thì UBND xã đã sử dụng các biện pháp tuyên truyền như: thông báo diện tích rừng tự nhiên của xã quản lý để triển khai chương trình khoán bảo vệ rừng trên đài truyền thanh, niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã và tổ chức họp trực tiếp với các người dân tại 07 thôn để tuyên truyền nêu rõ ý nghĩa, mục đích, quyền lợi và trách nhiệm cho bên nhận khoán bảo vệ rừng nhằm vận động các hộ dân tham gia việc nhận khoán bảo vệ rừng. Tuy nhiên, người dân không tham gia đăng ký nhận khoán bảo vệ rừng với nguyên nhân công việc nhận khoán bảo vệ rừng rất gian khổ và phức tạp, mức hỗ trợ bảo vệ rừng 400.000 đồng/ha/năm là quá thấp so với giá cả thị trường hiện nay.

Trên cơ sở báo cáo, đề xuất của các địa phương, đơn vị chủ rừng về kết quả thực hiện các chính sách, pháp luật bảo vệ phát triển rừng giai đoạn 2019-2023, thực hiện Văn bản số 1551/HĐDT15 ngày 02/5/2024 của Hội đồng Dân tộc - Quốc hội khóa XV về việc báo cáo kết quả thực hiện chính sách, pháp luật bảo vệ phát triển rừng giai đoạn 2019-2023, UBND tỉnh Khánh Hòa có Báo cáo số 186/BC-UBND ngày 19/6/2024 gửi Hội đồng Dân tộc - Quốc hội khóa XV về tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về giao đất, giao rừng, bảo vệ, phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, trong đó có nội dung đề xuất tăng mức hỗ trợ bảo vệ rừng và khoán bảo vệ rừng cho các chủ rừng, hộ gia đình, cá nhân nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng gắn với tạo sinh kế ổn định, nâng cao đời sống cộng đồng dân cư và hộ gia đình ở vùng DTTS&MN.

Bên cạnh đó, trong năm 2024, Hội đồng Dân tộc – Quốc hội khóa XV đã khảo sát thực tế và làm việc với các địa phương, chủ rừng và một số hộ dân trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, qua đó xác định một trong các nguyên nhân các Chương trình, Chính sách của trung ương nêu trên thực hiện trên địa bàn tỉnh chưa thật sự mang lại hiệu quả có liên quan đến mức kinh phí hỗ trợ đang được áp dụng không còn phù hợp với khối lượng, đặc thù công việc và nhu cầu cuộc sống thực tế của các lực lượng bảo vệ rừng cũng như hỗ trợ người dân tham gia công tác quản lý bảo vệ rừng và phát triển rừng (điển hình như kinh phí khoán quản lý bảo vệ rừng chỉ bình quân 400.000 đồng/ha/năm; kinh phí bảo vệ rừng, hỗ trợ đầu tư và đặt hàng đối với các công ty nông lâm nghiệp bình quân

300.000 đồng/ha/năm; hỗ trợ trồng rừng sản xuất rừng sản xuất, trồng cây phân tán và khuyến lâm mức hỗ trợ 5 triệu đồng/ha....). Do mức kinh phí thấp nên không thu hút được các tổ chức, cá nhân, người dân tham gia công tác quản lý bảo vệ rừng và phát triển rừng; đồng thời, không thúc đẩy sự phát triển bền vững của rừng tại địa phương.

Hiện nay, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 Quy định về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp, theo đó đã nâng mức kinh phí đầu tư, hỗ trợ đầu tư trong lâm nghiệp (bảo vệ rừng, hỗ trợ trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng....) và mức khoán bảo vệ rừng bình quân cao hơn so với các quy định trước đây, phù hợp với nhu cầu thực tế và đáp ứng được kỳ vọng của các tổ chức, cá nhân tham gia công tác quản lý bảo vệ rừng và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh.

Tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp quy định: “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư, mức khoán bảo vệ rừng quy định tại các Điều 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 16, 19, 21, 22 và Điều 23 quyết định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư cụ thể phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương”.

Căn cứ nhu cầu thực tiễn nêu trên và quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa là cần thiết và phù hợp với tình hình quản lý, bảo vệ và phát triển rừng tại địa phương.

3. Cơ sở để lựa chọn mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư

Qua xem xét các mức kinh phí đầu tư, hỗ trợ đầu tư trong lâm nghiệp tại Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024, căn cứ nhu cầu thực tiễn về tình hình bảo vệ và phát triển rừng do các địa phương và đơn vị chủ rừng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa báo cáo, đề xuất, Sở Nông nghiệp và Môi trường (cơ quan được giao chủ trì soạn thảo dự thảo Nghị quyết) phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan lựa chọn mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư để xây dựng Nghị quyết trình HĐND tỉnh bằng với mức bình quân theo quy định tại Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ vì các lý do như sau:

- Các định mức đối với Chương trình, Chính sách về đầu tư, hỗ trợ đầu tư bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa trước đây được áp dụng theo các văn bản quy định được ban hành từ năm 2016 trở về trước và áp dụng theo đơn giá mức lương cơ sở theo quy định tại Nghị định số 47/2016/NĐ-CP ngày 26/05/2016 của Chính phủ là 1.210.000 đồng/tháng. Hiện nay, theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ mức lương cơ sở thực hiện từ ngày 01/7/2024 là 2.340.000 đồng/tháng (tăng 1,934

lần so với năm 2016).

Ngoài ra, nếu quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư về quản lý bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa thấp hơn mức bình quân được quy định tại Nghị định số 58/2024/NĐ-CP thì mức kinh phí đầu tư, hỗ trợ quá thấp sẽ không phù hợp với tình hình thực tế hiện nay trên địa bàn tỉnh và không phù hợp với mức lương cơ sở quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ (áp dụng từ ngày 01/7/2024 là 2.340.000 đồng/tháng); đồng thời gây rất nhiều khó khăn cho các hoạt động bảo vệ, phát triển rừng của các địa phương, chủ rừng (nhất là đối với các Ban quản lý rừng phòng hộ sẽ tự chủ tài chính từ năm 2025; hộ gia đình người kinh nghèo, người đồng bào dân tộc thiểu số), đồng thời không khuyến khích được các tổ chức, hộ gia đình cá nhân tham gia công tác bảo vệ, phát triển rừng dễ dẫn đến nguy cơ gia tăng tình trạng khai thác, phá rừng trái pháp luật trên địa bàn tỉnh.

- Trường hợp quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư cao hơn mức quy định tại Nghị định số 58/2024/NĐ-CP thì phải phát sinh thêm nguồn kinh phí lớn; do đó sẽ gây áp lực cho ngân sách tỉnh, khó khăn trong việc cân đối nguồn vốn cho công tác bảo vệ và phát triển rừng hàng năm cho các địa phương, đơn vị chủ rừng trên địa bàn tỉnh.

Sau khi lựa chọn các lựa chọn mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư để xây dựng Nghị quyết bằng với mức bình quân quy định tại Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, đã tổ chức lấy ý kiến của các sở, ban, ngành, địa phương, chủ rừng và các đơn vị có liên quan và đã được các địa phương, chủ rừng đều đồng tình thống nhất cao với mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư bằng với mức bình quân Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024.

Như vậy, việc xây dựng và trình HĐND tỉnh ban hành “*Nghị quyết quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa*” để quy định cụ thể mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh trong dự thảo Nghị quyết bằng mức bình quân quy định tại của Nghị định số 58/2024/NĐ-CP để cụ thể hóa khoản 3 Điều 27 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP nhằm tổ chức thực hiện cho phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương là phù hợp theo quy định và thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

- Nhằm đáp ứng yêu cầu về đầu tư, hỗ trợ đầu tư trong lâm nghiệp, khoán bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo quy định; triển khai kịp thời các

chính sách về đầu tư, hỗ trợ đầu tư đã được pháp luật quy định phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; thống nhất với quy định của pháp luật hiện hành.

- Là căn cứ để phân bổ ngân sách hàng năm cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan triển khai các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng, chế biến lâm sản.

2. Quan điểm

Nghị quyết phải đảm bảo yêu cầu về tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của Nghị quyết trong hệ thống pháp luật; tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đảm bảo minh bạch về các mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư; phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương và đảm bảo công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trong quá trình xây dựng, ban hành Nghị quyết.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

- Nghị quyết này quy định các mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư cho các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng từ ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024.

- Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Nghị định số 58/2024/NĐ-CP và các chính sách hiện hành có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư và chủ rừng có liên quan đến các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng thuộc đối tượng quy định tại các Điều 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 16, 19, 21, 22 và 23 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

- Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp; Sở Nông nghiệp và Môi trường đã báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh có Tờ trình số 9365/TTr-UBND ngày 21/08/2024 gửi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết.

Sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất chấp nhận chủ trương xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh tại Văn bản số 448/HĐND-VP ngày 05/9/2024; UBND tỉnh đã có Văn bản số 9966/UBND-KT

ngày 09/9/2024 giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các sở, ngành, đơn vị có liên quan tham mưu xây dựng Nghị quyết.

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã xây dựng dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh gửi các sở, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và địa phương có liên quan đề nghị góp ý theo trình tự quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; sau khi tiếp thu, chỉnh sửa các ý kiến góp ý của các đơn vị, Sở đã có Văn bản số 279/SNNMT-KL ngày 10/3/2025 gửi Sở Tư pháp thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Trên cơ sở tổng hợp, tiếp thu và giải trình ý kiến góp ý của các Sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 68/BC-STP ngày 17/3/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu hoàn chỉnh dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục của dự thảo Nghị Quyết gồm 11 Điều như sau:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.
- Điều 2. Đối tượng áp dụng.
- Điều 3. Mức đầu tư rừng đặc dụng.
- Điều 4. Mức đầu tư rừng phòng hộ.
- Điều 5. Mức hỗ trợ rừng sản xuất.
- Điều 6. Hỗ trợ kinh phí xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững.
- Điều 7. Khoán bảo vệ rừng.
- Điều 8. Trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng.
- Điều 9. Hỗ trợ đầu tư cơ sở sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp.
- Điều 10. Hỗ trợ trồng cây phân tán.
- Điều 11. Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

- Mức đầu tư rừng đặc dụng
- + Cấp kinh phí bảo vệ rừng đặc dụng theo Điều 5 Nghị định số

58/2024/NĐ-CP.

+ Cấp kinh phí khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng đặc dụng theo Điều 6 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP.

+ Đầu tư trồng rừng, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng đặc dụng theo Điều 7 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP.

- Mức đầu tư rừng phòng hộ

+ Cấp kinh phí bảo vệ rừng phòng hộ theo Điều 9 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP.

+ Cấp kinh phí khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng phòng hộ theo Điều 10 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP.

+ Đầu tư trồng rừng, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng phòng hộ theo Điều 11 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP.

- Mức hỗ trợ rừng sản xuất

+ Hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng theo Điều 12 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP.

+ Hỗ trợ khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng sản xuất là rừng tự nhiên theo Điều 13 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP.

+ Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ theo Điều 14 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP.

- Hỗ trợ kinh phí xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo Điều 16 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP.

- Khoán bảo vệ rừng theo Điều 19 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP.

- Trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng theo Điều 21 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP.

- Hỗ trợ đầu tư cơ sở sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp theo Điều 22 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP.

- Hỗ trợ trồng cây phân tán theo Điều 23 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực thực hiện

Kinh phí dự kiến thực hiện Nghị quyết hàng năm là 59.749.154.328 đồng/năm (Năm mươi chín tỷ, bảy trăm bốn mươi chín triệu, một trăm năm

mười tư nghìn ba trăm hai mươi tám đồng); trong đó:

- Kinh phí bảo vệ rừng: 52.328.006.195 đồng với diện tích bảo vệ là 150.658 ha rừng; cụ thể:

+ Ban quản lý rừng đặc dụng: 1.001.550.000 đồng với diện tích quản lý là 20.396 ha rừng.

+ Ban quản lý rừng phòng hộ: 10.611.561.300 đồng với diện tích quản lý là 50.934 ha rừng.

+ Các Công ty Lâm nghiệp nhà nước: 38.082.420.000 đồng với diện tích quản lý là 63.471 ha rừng.

+ UBND xã: 2.632.474.895 đồng với diện tích quản lý là 15.857 ha trên đại bàn huyện Khánh Vĩnh, thị xã Ninh Hòa, huyện Vạn Ninh.

- Kinh phí phát triển rừng: 3.035.480.000 đồng; cụ thể:

+ Khoanh nuôi xúc tiến tái tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung (Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà): 336.000.000 đồng/năm với diện tích khoanh nuôi 300 ha.

+ Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ (huyện Khánh Vĩnh): 2.699.480.000 đồng với diện tích trồng rừng là 174 ha.

- Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng (ngân sách tỉnh): 742.198.133 đồng.

- Kinh phí hỗ trợ trồng cây phân tán: 3.643.470.000 đồng.

(Chi tiết tại Phụ biểu dự trù kinh phí, nguồn lực thực hiện Nghị Quyết)

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết

Sau khi Nghị quyết được thông qua, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan rà soát xây dựng dự toán kinh phí thực hiện theo nhu cầu cần thiết thực tế để thực hiện.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

(Gửi kèm theo:

- Bản tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức và các đơn vị có liên quan về dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Báo cáo số 68/BC-STP ngày 17/3/2025 của Sở Tư pháp thẩm định Dự

thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Bàn tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến nội dung xác định cơ sở thực tiễn.)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Các ban HĐND tỉnh;
- Các Sở: NN và MT, Tư pháp, Tài chính;
- VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TLe, LV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đình Văn Thiệu

PHỤ LỤC:
BIỂU DỰ KIẾN NGUỒN LỰC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

(Kèm theo Tờ trình số 3267/TTr-UBND ngày 24 / 3 /2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

TT	Nội dung thực hiện	Dự kiến khối lượng và Kinh phí thực hiện theo Nghị quyết					
		Khối lượng (ha)	Kinh phí thực hiện				
			Tổng cộng	Ngân sách tỉnh (đồng)			Ngân sách các huyện, thị xã, thành phố
				Nguồn vốn chi thường xuyên	Nguồn vốn đầu tư công	Nguồn vốn khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	TỔNG SỐ	159.836,70	59.749.154.328	56.595.811.828	2.699.480.000	-	453.862.500
I.	Bảo vệ rừng	150.658	52.328.006.195	51.883.143.695	-	-	444.862.500
a)	BQL rừng đặc dụng	20.395,84	1.001.550.000	1.001.550.000	-	-	-
b)	BQL rừng phòng hộ	50.934,49	10.611.561.300	10.611.561.300	-	-	-
c)	Doanh nghiệp nhà nước được Nhà nước giao rừng sản xuất là rừng tự nhiên trước ngày 01/01/2019	63.470,70	38.082.420.000	38.082.420.000	-	-	-

TT	Nội dung thực hiện	Dự kiến khối lượng và Kinh phí thực hiện theo Nghị quyết					
		Khối lượng (ha)	Kinh phí thực hiện				
			Tổng cộng	Ngân sách tỉnh (đồng)			Ngân sách các huyện, thị xã, thành phố
				Nguồn vốn chi thường xuyên	Nguồn vốn đầu tư công	Nguồn vốn khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
d)	Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	-	-	-	-	-	-
đ)	UBND xã	15.856,71	2.632.474.895	2.187.612.395	-	-	444.862.500
e)	Các đối tượng khác theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 8 Luật Lâm nghiệp	-	-	-	-	-	-
II.	Phát triển rừng	474	3.035.480.000	336.000.000	2.699.480.000	-	-
1.	Khoanh nuôi xúc tiến tái tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung	300	336.000.000	336.000.000	-	-	-
a)	Quy hoạch rừng đặc dụng	300	336.000.000	336.000.000	-	-	-
-	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên	300	336.000.000	336.000.000	-	-	-
-	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung	-	-	-	-	-	-
b)	Quy hoạch rừng phòng hộ	-	-	-	-	-	-

TT	Nội dung thực hiện	Dự kiến khối lượng và Kinh phí thực hiện theo Nghị quyết					
		Khối lượng (ha)	Kinh phí thực hiện				
			Tổng cộng	Ngân sách tỉnh (đồng)			Ngân sách các huyện, thị xã, thành phố
				Nguồn vốn chi thường xuyên	Nguồn vốn đầu tư công	Nguồn vốn khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
-	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên	-	-	-	-	-	-
-	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung	-	-	-	-	-	-
c)	<i>Quy hoạch rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	-	-	-	-	-	-
-	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung	-	-	-	-	-	-
2.	Đầu tư trồng rừng, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ	-	-	-	-	-	-
3.	Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ	174,16	2.699.480.000	-	2.699.480.000	-	-
III.	Hỗ trợ kinh phí xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ quản lý rừng bền vững	-	-	-	-	-	-

TT	Nội dung thực hiện	Dự kiến khối lượng và Kinh phí thực hiện theo Nghị quyết					
		Khối lượng (ha)	Kinh phí thực hiện				
			Tổng cộng	Ngân sách tỉnh (đồng)			Ngân sách các huyện, thị xã, thành phố
				Nguồn vốn chi thường xuyên	Nguồn vốn đầu tư công	Nguồn vốn khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
IV.	Khoán bảo vệ rừng đặc dụng, phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên	8.461,90	742.198.133	742.198.133,00	-	-	-
1.	BQL rừng đặc dụng	-	-	-	-	-	-
2.	BQL rừng phòng hộ	7.171,90	634.534.733	634.534.733	-	-	-
3.	Doanh nghiệp nhà nước	1.290,00	107.663.400	107.663.400	-	-	-
4.	Đối tượng khác	-	-	-	-	-	-
V.	Trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng	-	-	-	-	-	-
1.	Số lượng gạo hỗ trợ (kg)	-	-	-	-	-	-
2.	Số đơn vị, nhân khẩu được hỗ trợ	-	-	-	-	-	-

TT	Nội dung thực hiện	Dự kiến khối lượng và Kinh phí thực hiện theo Nghị quyết					
		Khối lượng (ha)	Kinh phí thực hiện				
			Tổng cộng	Ngân sách tỉnh (đồng)			Ngân sách các huyện, thị xã, thành phố
				Nguồn vốn chi thường xuyên	Nguồn vốn đầu tư công	Nguồn vốn khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
3.	Diện tích được hỗ trợ (ha)	-	-	-	-	-	-
VI.	Hỗ trợ đầu tư cơ sở sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp (Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp)	-	-	-	-	-	-
1.	Xây dựng rừng giống, vườn giống, vườn cây lâm nghiệp đầu dòng.	-	-	-	-	-	-
2.	Xây dựng trung tâm sản xuất giống cây rừng chất lượng cao.	-	-	-	-	-	-
3.	Xây dựng vườn ươm giống.	-	-	-	-	-	-
VII.	Hỗ trợ trồng cây phân tán (Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tham gia trồng cây phân tán)	242,9	3.643.470.000	3.634.470.000	-	-	9.000.000

Số: /2025/NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2025

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư bảo vệ và phát triển rừng
trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA KHÓA, KỲ HỌP THỨ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa; Báo cáo thẩm tra số...../BC-BKTNS ngày...tháng...năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định các mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư cho các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng từ ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp (sau đây viết tắt là Nghị định số 58/2024/NĐ-CP).

2. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Nghị định số 58/2024/NĐ-CP và các chính sách hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có

liên quan đến các hoạt động bảo vệ, phát triển rừng thuộc đối tượng tại các Điều 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 16, 19, 21, 22 và 23 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP.

Điều 3. Mức đầu tư rừng đặc dụng

1. Cấp kinh phí bảo vệ rừng đặc dụng theo Điều 5 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP

a) Ban quản lý rừng đặc dụng; Ban quản lý rừng phòng hộ được Nhà nước cấp kinh phí bảo vệ rừng là 150.000 đồng/ha/năm, tại các xã khu vực II, III là 180.000 đồng/ha/năm, tại vùng đất ven biển là 225.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng đặc dụng được giao, ngoài kinh phí sự nghiệp thường xuyên cho các hoạt động của bộ máy ban quản lý rừng.

b) Cộng đồng dân cư; tổ chức kinh tế bao gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và tổ chức kinh tế khác được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (trừ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được Nhà nước cho thuê đất để trồng rừng sản xuất); đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân được giao rừng; tổ chức khoa học và công nghệ, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp về lâm nghiệp được Nhà nước cấp kinh phí bảo vệ rừng là 500.000 đồng/ha/năm, tại các xã khu vực II, III là 600.000 đồng/ha/năm, tại vùng đất ven biển là 750.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng được giao.

c) Chi phí lập hồ sơ lần đầu về bảo vệ rừng cho cộng đồng dân cư là 50.000 đồng/ha; kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu bảo vệ rừng là 7% trên tổng kinh phí chi cho bảo vệ rừng hằng năm.

2. Cấp kinh phí khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng đặc dụng theo Điều 6 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP

a) Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên: mức kinh phí là 1.000.000 đồng/ha/năm trong thời gian 6 năm, đối với vùng đất ven biển là 1.500.000 đồng/ha/năm.

b) Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung: mức kinh phí là 2.000.000 đồng/ha/năm trong 3 năm đầu và 1.000.000 đồng/ha/năm cho 3 năm tiếp theo.

c) Chi phí lập hồ sơ lần đầu cho khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên là 50.000 đồng/ha; chi phí lập hồ sơ thiết kế, dự toán khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung được xác định bằng dự toán được duyệt; kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung là 7% trên tổng kinh phí chi cho khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung hằng năm.

3. Đầu tư trồng rừng, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng đặc dụng theo Điều 7 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP

Mức đầu tư theo định mức kinh tế kỹ thuật, thiết kế, dự toán công trình lâm sinh được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Mức đầu tư rừng phòng hộ

1. Cấp kinh phí bảo vệ rừng phòng hộ theo Điều 9 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP

a) Ban quản lý rừng phòng hộ được Nhà nước cấp kinh phí bảo vệ rừng là 500.000 đồng/ha/năm, tại các xã khu vực II, III là 600.000 đồng/ha/năm, tại vùng đất ven biển là 750.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng phòng hộ được giao, ngoài kinh phí sự nghiệp thường xuyên cho các hoạt động của bộ máy ban quản lý rừng.

b) Ban quản lý rừng đặc dụng được Nhà nước cấp kinh phí bảo vệ rừng là 150.000 đồng/ha/năm, tại các xã khu vực II, III là 180.000 đồng/ha/năm, tại vùng đất ven biển là 225.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng phòng hộ được giao, ngoài kinh phí sự nghiệp thường xuyên cho các hoạt động của bộ máy ban quản lý rừng.

c) Doanh nghiệp nhà nước; hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân được giao rừng; tổ chức khoa học và công nghệ, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp về lâm nghiệp được Nhà nước cấp kinh phí bảo vệ rừng là 500.000 đồng/ha/năm, tại các xã khu vực II, III là 600.000 đồng/ha/năm, tại vùng đất ven biển là 750.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng được giao.

d) Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê được Nhà nước cấp kinh phí quản lý, bảo vệ rừng là 150.000 đồng/ha/năm, tại các xã khu vực II, III là 180.000 đồng/ha/năm, tại vùng đất ven biển là 225.000 đồng/ha/năm.

đ) Chi phí lập hồ sơ lần đầu về bảo vệ rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư là 50.000 đồng/ha; kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu bảo vệ rừng là 7% trên tổng kinh phí chi cho bảo vệ rừng hằng năm.

2. Cấp kinh phí khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng phòng hộ theo Điều 10 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP

a) Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên: mức kinh phí là 1.000.000 đồng/ha/năm trong thời gian 6 năm, đối với vùng đất ven biển là 1.500.000 đồng/ha/năm.

b) Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung: mức kinh phí là 2.000.000 đồng/ha/năm trong 3 năm đầu và 1.000.000 đồng/ha/năm cho 3 năm tiếp theo.

c) Chi phí lập hồ sơ lần đầu cho khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên là 50.000 đồng/ha; chi phí lập hồ sơ thiết kế, dự toán khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung được xác định bằng dự toán được duyệt; kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung là 7% trên tổng kinh phí chi cho khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung hằng năm.

3. Đầu tư trồng rừng, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng phòng hộ

theo Điều 11 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP

Mức đầu tư theo định mức kinh tế kỹ thuật, thiết kế, dự toán công trình lâm sinh được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Mức hỗ trợ rừng sản xuất

1. Hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng theo Điều 12 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP

a) Ban quản lý rừng đặc dụng; Ban quản lý rừng phòng hộ; Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê được Nhà nước cấp kinh phí bảo vệ rừng là 150.000 đồng/ha/năm, tại các xã khu vực II, III là 180.000 đồng/ha/năm, tại vùng đất ven biển là 225.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng sản xuất là rừng tự nhiên được giao.

b) Doanh nghiệp nhà nước được Nhà nước giao rừng sản xuất là rừng tự nhiên trước ngày 01/01/2019; hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; tổ chức kinh tế bao gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và tổ chức kinh tế khác được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (trừ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được Nhà nước cho thuê đất để trồng rừng sản xuất); đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân được giao rừng được Nhà nước cấp kinh phí bảo vệ rừng là 500.000 đồng/ha/năm, tại các xã khu vực II, III là 600.000 đồng/ha/năm, tại vùng đất ven biển là 750.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng sản xuất là rừng tự nhiên được giao.

c) Chi phí lập hồ sơ lần đầu về bảo vệ rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư là 50.000 đồng/ha; kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu bảo vệ rừng là 7% trên tổng kinh phí chi cho bảo vệ rừng hằng năm.

2. Hỗ trợ khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng sản xuất là rừng tự nhiên theo Điều 13 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP

a) Mức hỗ trợ: 8.000.000 đồng/ha.

b) Chi phí lập hồ sơ thiết kế, dự toán khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung được xác định bằng dự toán được duyệt; kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung là 7% trên tổng kinh phí chi cho khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung hằng năm.

3. Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ theo Điều 14 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP

a) Hỗ trợ một lần 15.000.000 đồng/ha/chu kỳ để mua cây giống, vật tư, phân bón đối với trồng cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ theo chu kỳ kinh doanh của loài cây trồng.

b) Hỗ trợ chi phí cho công tác khuyến lâm: 500.000 đồng/ha/4 năm (1 năm trồng và 3 năm chăm sóc).

c) Hỗ trợ một lần chi phí khảo sát, thiết kế; chi phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu theo dự toán được duyệt.

Điều 6. Hỗ trợ kinh phí xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo Điều 16 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP

Hỗ trợ một lần xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững là 400.000 đồng/ha.

Điều 7. Khoán bảo vệ rừng theo Điều 19 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP

1. Mức kinh phí khoán bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên từ ngân sách nhà nước là 500.000 đồng/ha/năm, tại các xã khu vực II, III là 600.000 đồng/ha/năm, tại vùng đất ven biển là 750.000 đồng/ha/năm.

2. Chi phí lập hồ sơ lần đầu cho khoán bảo vệ rừng là 50.000 đồng/ha; kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu bảo vệ rừng là 7% trên tổng kinh phí chi cho bảo vệ rừng hằng năm.

Điều 8. Trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng theo Điều 21 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP

Mức trợ cấp là 15 kg gạo/khẩu/tháng trong thời gian chưa tự túc được lương thực. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối tượng được trợ cấp, mức trợ cấp, hình thức trợ cấp cụ thể theo diện tích, số khẩu phù hợp với thực tế của địa phương và thời gian trợ cấp nhưng tối đa 7 năm, đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Mức trợ cấp gạo cho hộ gia đình thực hiện trồng rừng thay thế nương rẫy trong năm căn cứ vào diện tích trồng rừng thực tế và thời gian chưa tự túc được lương thực không quá 6 tháng nhưng tối đa không quá 450 kg/năm.

2. Mức gạo trợ cấp cho hộ gia đình thực hiện bảo vệ và phát triển rừng trong năm căn cứ vào diện tích thực hiện bảo vệ và phát triển rừng và trong thời gian chưa tự túc được lương thực không quá 4 tháng nhưng tối đa không quá 300 kg/năm.

3. Đối với hộ gia đình thực hiện tất cả hoạt động trồng rừng thay thế nương rẫy và hoạt động bảo vệ và phát triển rừng thì được hưởng theo mức trợ cấp cho hoạt động cao hơn.

4. Cách tính mức trợ cấp gạo cụ thể theo Mẫu số 08 Phụ lục kèm theo Nghị định số 58/2024/NĐ-CP.

Điều 9. Hỗ trợ đầu tư cơ sở sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp theo Điều 22 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP

1. Hỗ trợ 50% tổng mức đầu tư đối với một dự án hoặc công trình xây dựng rừng giống, vườn giống, vườn cây lâm nghiệp đầu dòng; xây dựng trung tâm sản xuất giống cây rừng chất lượng cao; xây dựng vườn ươm giống nhưng tối đa theo mức quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này.

2. Tối đa 55.000.000 đồng/ha đối với xây dựng rừng giống trồng mới có diện tích từ 2,0 ha trở lên, vườn giống trồng mới có diện tích từ 1,0 ha trở lên; tối đa 25.000.000 đồng/ha đối với xây dựng rừng giống chuyển hóa có diện tích



từ 1,0 ha trở lên, vườn cây lâm nghiệp đầu dòng có diện tích từ 500 m² trở lên.

3. Tối đa 5.000.000.000 đồng đối với một dự án hoặc công trình xây dựng trung tâm sản xuất giống cây rừng chất lượng cao có quy mô sản xuất tối thiểu 1 triệu cây/năm.

4. Tối đa 300.000.000 đồng đối với một dự án hoặc công trình xây dựng mới vườn ươm giống cây lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cấy mô với diện tích đất xây dựng vườn ươm tối thiểu 0,5 ha.

Điều 10. Hỗ trợ trồng cây phân tán theo Điều 23 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP

Mức hỗ trợ là 15.000.000 đồng/ha trồng cây phân tán (quy đổi 1.000 cây/ha) để hỗ trợ mua cây giống, phân bón và chi phí một phần nhân công trồng, chăm sóc; tổ chức các hoạt động quản lý, kiểm tra, giám sát thực hiện trồng cây phân tán.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đúng theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

4. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2025 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: NN&MT, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Khánh Hòa, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- TT Công báo và Cổng thông tin điện tử Khánh Hòa;
- Lưu: VT, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH